

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS - PT

Ngày 18/1/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long và ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18/1/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2020/TLPT- HS ngày 21 tháng 10 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đức B, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh T, Su Văn T1, Trần Đình L, Cò A Đ, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2020/HS - ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo kháng cáo

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 12/08/1995 tại T2, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn N, xã N1, huyện T2, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ1 - Sinh năm: 1968; Con bà: Phạm Thị T4 - Sinh năm 1969, đều trú tại thôn Đo Ngoài, xã Thái Niên, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có vợ: Mai Yến N3 - Sinh năm: 1998, trú tại thôn N, xã N2, huyện T2, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020; Tạm giam từ ngày 01/3/2020 đến ngày 09/4/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Đức B** (tên gọi khác: không). Sinh ngày: 20/01/1983 tại T2, Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ 10, phường T5, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn T6 - Sinh năm: 1957 (đã chết năm 2013); Con bà: Đặng Thị L - Sinh năm: 1957, trú tại thôn Cốc T7, xã N4, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Vợ: Lê Thị P - Sinh năm: 1984, trú tại tổ 10, phường T5, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh

năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2011. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Văn H** (tên gọi khác: không) - Sinh ngày: 29/12/1984 tại Hạ Hòa, Phú Thọ; Nơi cư trú: thôn Đ, xã N2, huyện T2, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Mạnh C1 - Sinh năm: 1959; Con bà: Nguyễn Thị T8 - Sinh năm: 1963, đều trú tại xã Q, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án số 05/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt Lê Văn H 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc" và buộc H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự. Hiện tại, Lê Văn H đã chấp hành xong hình phạt và thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo Hùng đã được xóa án tích. Vợ: Mai Thị Vân A - Sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã N, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020, tạm giam từ ngày 01/3/2020, đến ngày 13/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh". Có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Mạnh T** (tên gọi khác: không) - Sinh ngày: 28/10/1986, tại huyện T2, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ 9, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu T9 - Sinh năm: 1958; Con bà: Nguyễn Thị Bích H3 - Sinh năm: 1964, đều trú tại tổ 11, phường C3, thành phố C1, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có vợ: Vũ Thị L - Sinh năm: 1996, trú tại phường C3, thành phố C1, tỉnh Lào Cai. Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2014. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 91/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Nguyễn Mạnh T 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" và buộc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Mạnh T kháng cáo đối với bản án. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 37/2017/HSPT ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với Nguyễn Mạnh T và buộc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo T chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Tại bản án số 97/2009/HSST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Nguyễn Mạnh T 04 năm 06 tháng về tội "Cướp giật tài sản" và phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST. Hiện tại, bị cáo T đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa tích.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T bị tạm giữ ngày 21/02/2020; Tạm giam từ ngày 01/3/2020, đến ngày 13/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh". Có mặt.

5. Họ và tên: **Su Văn T1** (tên gọi khác: Không) -Sinh ngày: 10/7/1989, tại T2, Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn Nông trường H3, huyện T2, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông:

Su Ma Q1 - Sinh năm: 1967, hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Hồng Ca, Yên Bái; Con bà: Trần Thị H4 - Sinh năm: 1970, trú tại xã N2, huyện T2, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có vợ: Phạm Thị L2 - Sinh năm: 1991, trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn H5, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Con: chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 66/2011/HSST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Su Văn T1 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung T1 5.000.000đồng và buộc T1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bản án này, T1 đã chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 10/3/2020, Su Văn T1 đã nộp tiền phạt + lãi suất tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Lào Cai số tiền 8.980.000. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Tại bản án số 05/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt Su Văn T1 08 tháng tù về tội "Đánh bạc" và buộc T1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Hiện tại, Su Văn T1 đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp xong tiền án phí hình sự vào ngày 01/6/2017. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo T1 đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020; Tạm giam từ ngày 01/3/2020, đến ngày 13/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh". Có mặt.

6. Họ và tên: **Trần Đình L** (tên gọi khác: Trần Văn Lợi) (tên gọi khác: Trần Văn Lợi) - Sinh ngày: 18/6/1986 tại huyện H6, tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N6, xã N7, huyện H6, tỉnh Lào Cai. Nơi ở hiện nay: thôn M, xã N7, huyện H6, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đình T10 - Sinh năm: 1967 (đã chết năm 2019); Con bà: Đặng Thị H9 - Sinh năm: 1966, trú tại thôn N6, xã N7, huyện H6, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có vợ: Thèn Thị H9 - Sinh năm: 1988, hiện đã bỏ đi Trung Quốc; Bị cáo Lợi có 01 con chung với chị H9, sinh năm 2010.

Từ năm 2016 đến nay, bị cáo Trần Đình L (Tên gọi khác: Trần Văn Lợi) chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với chị Thèn Nhưong L - Sinh năm: 2001, trú tại thôn M, xã N7, huyện H6, tỉnh Lào Cai và có 02 con chung với chị L, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02, 03, 04 cùng ngày 06/3/2003 của Công an huyện H6, tỉnh Lào Cai, xử phạt L bằng hình thức "Cảnh cáo" về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Tại Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 15/3/2003 của UBND xã N7, huyện H6, tỉnh Lào Cai. Căn cứ biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 06 tháng đối với L về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ ngày 03/12/2003 của Công an huyện H6, tỉnh Lào Cai, xử phạt bằng hình thức "Cảnh cáo" đối với L về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ ngày 03/8/2005 của Công an huyện H6, tỉnh Lào Cai, xử phạt bằng hình thức phạt tiền 500.000đ đối với L về hành vi "Đánh bạc. Ngày 8/8/2005, L đã chấp hành xong việc nộp phạt tiền.

+ Tại Quyết định số 3267/QĐ-UB(NC) ngày 14/12/2005 của UBND tỉnh Lào Cai đưa vào cơ sở giáo dục Thanh Hà, trong thời hạn 24 tháng đối với L về hành vi "Trộm cắp tài sản" và "Đánh bạc". Ngày 21/12/2007, L chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục.

Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo L đã được xóa các tiền sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/02/2020; Tạm giam ngày 01/3/2020, đến ngày 09/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lãnh". Có mặt.

7. Họ và tên: **Cò A Đ** (tên gọi khác: không) - Sinh ngày: 20/6/1992, tại H7, Lào Cai; Nơi cư trú: thôn G, xã L3, huyện H7, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cò A C5 - Sinh năm: 1971; Con bà: Quan Thị T11 - Sinh năm: 1976, đều trú tại thôn G, xã L3, huyện H7, tỉnh Lào Cai; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/02/2020, đến ngày 28/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 10 phút ngày 20/02/2020, tại nhà Lương Đức B thôn T, xã N6, huyện T2, tỉnh Lào Cai. Công an huyện T2 phát hiện, bắt quả tang 23 đối tượng gồm Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn Đ4, Nguyễn Thị N9, Trần Hữu H10, Phạm Văn N10, Nguyễn Mạnh T, Lù Ngọc Q4, Cò A Đ, Su Văn T1, Lù Văn T8, Nguyễn Mạnh H11, Chu Văn L, Lê Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Công K, Lù Văn Tú L6, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q3, Vàng Seo D, Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn L), Mai Văn Đ, Vàng Seo S, Nguyễn Văn H đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa.

Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người các bị cáo số tiền dùng để đánh bạc như sau: Nguyễn Mạnh T 6.700.000đ; Cò A Đ 6.500.000đ; Su Văn T1 200.000đ; Lê Văn H 22.780.000đ; Tạm giữ của Lương Đ B số tiền 17.000.000đồng là tiền có được từ việc cho thuê nhà dùng để tổ chức đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Lào CaiT bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Mạnh Hiệp, Nguyễn Văn Năm và Nguyễn Văn Hùng phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Bị cáo Lương Đ B phạm tội "Gá bạc";

Các bị cáo Lê Văn H, Cò A Đ, Nguyễn Mạnh T, Su Văn T1, Chu Văn Lực, Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn Lợi), Trần Hữu Hùng, Nguyễn Ngọc Quyền, Vàng Seo Sáng, Lù Văn Tuấn, Vàng Seo Dìn, Phạm Văn Nguyên, Mai

Văn Đ, Phạm Văn Đông, Lò Ngọc Quý, Lò Văn Tú Linh, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Công Kiên và Phạm Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 322, Điểm i, s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm 06 tù và phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 322, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đ B 01 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cò A Đ 03 năm 03 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 03 năm 03 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Su Văn T1 03 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn Lợi) 03 năm tù;

Ngoài ra còn T phạt đối với các bị cáo khác.

Ngày 23/9/2020 bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 24 /9/2020 bị cáo Lương Đ B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 25/9/2020 bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 26/9/2020, bị cáo Nguyễn Mạnh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 27/9/2020 bị cáo Su A T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 29/9/2020, bị cáo Trần Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 30/9/2020, bị cáo Cò A Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Su A T1, Cò A Đ rút kháng cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đ B, Lê Văn H, Trần Đình L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu

quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Su A T1, Cò A Đ

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đ B, Lê Văn H, Trần Đình L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Lương Đ B: ngày 19/02/2020 bị cáo B đã cho các bị cáo Đ, Hiệp, Năm và Nguyễn Văn Hùng thuê nhà ở của mình để sử dụng làm địa điểm tổ chức đánh bạc và được trả trước số tiền thuê nhà là 17.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ: sau khi thuê được nhà của B, chiều ngày 20/02/2020 nhóm của Đ đã điện thoại rủ rê người đến đánh bạc, sau đó tổ chức cho 19 bị cáo khác đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền và thu lời bất chính từ việc thu phé của những người đến đánh bạc là 4.200.000 đồng. Quá trình điều tra, xác định tổng số tiền thu dưới chiếu bạc và thu trên người 19 bị cáo đã và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc là 86.750.000 đồng, gồm: Tiền thu dưới chiếu bạc là 23.000.000 đồng, tiền thu trên người các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 63.750.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 322 BLHS.

Các bị cáo Lê Văn H, Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn Lợi) đã có hành vi chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền. Mặc dù số tiền các bị cáo bỏ ra đánh bạc là khác nhau nhưng các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc là 86.750.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" theo điểm b Khoản 2 Điều 321 BLHS.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo

Về vai trò các bị cáo:

Đối với tội "Tổ chức đánh bạc": xác định bị cáo Nguyễn Văn Đ là người khởi xướng việc tổ chức đánh bạc.

Đối với tội "Gá bạc": bị cáo B chịu trách nhiệm độc lập về tội "Gá bạc"

Đối với tội "Đánh bạc": Trong tổng số các bị cáo tham gia đánh bạc không có ai là người khởi xướng việc đánh bạc nên bị cáo Lê Văn H, Trần Đình L đều giữ vai trò người thực hành.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đ B đều có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng T1; thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và được Công an xã xác nhận; Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Bị cáo Lê Văn H có nhân thân xấu, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn Lợi): có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu.

Hội đồng xét xử xét thấy, bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo; đã xem xét đầy đủ về nhân thân và áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như đã phân tích trên và quyết định xử phạt bị cáo mức án như đã T là phù hợp, đúng pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ cung cấp thêm chứng cứ bị cáo có ông, bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. Tuy nhiên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Bị cáo Lương Đ B cung cấp thêm chứng cứ bị cáo có bố, mẹ đẻ tham gia dân công hỏa tuyến. Xét thấy, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn H, Trần Đình L cung cấp thêm chứng cứ bị cáo đã cung cấp tin báo tội phạm cho cơ quan chức năng. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo không chứng minh được việc cung cấp tin báo tại thời điểm nào, ở đâu và báo tin cho ai, vì vậy không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Su A T1, Cò A Đ rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đ B, Lê Văn H, Trần Đình L không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T, Su A T1, Cò A Đ.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đức B, Lê Văn H, Trần Đình L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm: của Tòa án nhân dân huyện T2 tỉnh Lào Cai về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Bị cáo Lương Đức B phạm tội “Gá bạc”;

Các bị cáo Lê Văn H, Trần Đình L phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 322, Điểm i, s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm 06 tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến ngày 09/4/2020.

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 322, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đức B 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến ngày 13/3/2020;

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình L (tên gọi khác: Trần Văn Lợi) 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến ngày 09/4/2020;

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lương Đ B, Lê Văn H, Trần Đình L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp;
- CQTHAHS CA H.T2;
- CQĐT CA H.T2;
- TAND H.T2;
- VKSND H.T2;
- Chi cục THADS H.T2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ – AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng